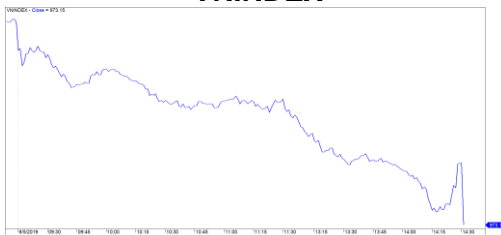


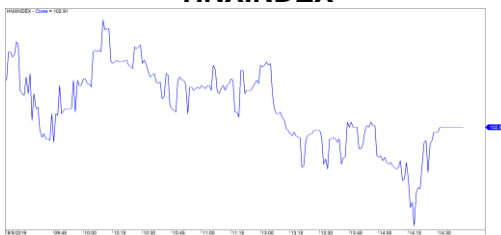
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	973.15	102.91	58.37
% ngày	-1.81%	-0.76%	-0.36%
% tuần	-2.48%	-2.26%	-1.37%
% tháng	-0.22%	-1.41%	3.53%
% năm	1.41%	-3.13%	15.29%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,973	456	481
TB 1 tuần	4,631	415	424
TB 1 tháng	3,931	411	364
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	424.79	24.24	67.24
Bán	714.96	39.59	47.76
Giá trị ròng	-290.17	-15.35	19.47
Độ rộng TT			
Mã Tăng	112	62	214
Mã Giảm	193	81	101
Không Đổi	83	224	578
Chỉ số chính			
P/E	16.67	9.27	19.56
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,351	189	1,026
LS Cổ tức	1.52%	2.91%	6.07%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường diễn biến tiêu cực khi các chỉ số giảm chậm rãi nhưng lực cầu khá yếu. VN-Index theo đó trượt dài và đóng cửa ở mức thấp nhất phiên khi giảm 1.81% dừng tại 973.15 điểm trong khi chỉ số HNX-Index giảm 0.77% dừng tại 102.91 điểm, chỉ số Upcom-Index cũng trượt 0.35% neo tại 58.37 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt mức 4,239 tỷ đồng cho thấy lực cung đang áp đảo.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn diễn biến tiêu cực hôm nay khi nhiều mã có mức giảm khá mạnh. Trong đó, nhóm cổ phiếu họ Vingroup gồm VHM(-5.5%), VIC(-1.9%), VRE(-3.4%) giảm khá sốc với thanh khoản tăng. Ngoài ra, MSN, HPG, VJC, VNM, STB, DPM, BVH, GAS, REE, SSI cũng giảm trên 1%. VN30-Index có phiên giảm khá mạnh tương ứng 1.46% mức giảm mạnh nhất kể từ đầu tháng 04/2019 trở lại đây. Các mã tăng giá trong rổ này gồm SAB, PNJ, EIB, CTD, MWG và ROS nhưng mức tăng cũng không quá nổi bật. Nhóm cổ phiếu họ Viettel vẫn duy trì xung lực tang bất chấp thị trường khi CTR(+15%), VGI(+13.4%), VTK(8.7%). Nhiều mã trong nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ tiếp tục duy trì xu hướng tăng như DPG(+2.2%), TRC(+6.3%), SMB(+4.7%), SZL(+2.9%), LHG(+3.6%), HDC(+3%)...

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 3 liên tiếp với giá trị hơn 286 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, VJC(63 tỷ), E1VFN30(62 tỷ), HPG(57 tỷ) là các mã bị bán ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, CTD(29 tỷ), HBC(18 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ xuất hiện nhịp hồi phục kỹ thuật, chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức 980 điểm. Đồng thời, thị trường có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy cho thấy khả năng giảm mạnh sẽ không diễn ra trong những phiên tới, điểm rủi ro nhóm cổ phiếu Vin group đang xác nhận xu hướng giảm ngắn hạn cho nên xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index và VN30 có thể sẽ ảnh hưởng tiêu cực. Tuy nhiên, dòng tiền sẽ có sự phân hóa cho nên các nhà đầu tư ngắn hạn nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu trong giai đoạn này.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi hạ mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index và VN30 từ mức TĂNG xuống GIẢM và duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu và cơ cấu lại danh mục để giảm dần tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

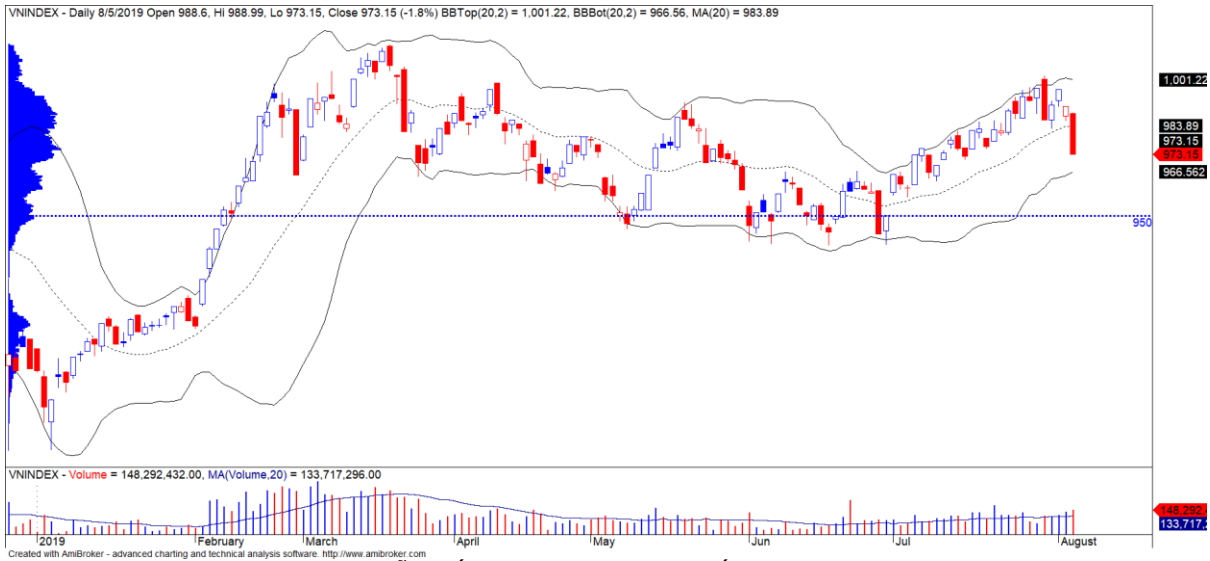
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 37% cổ phiếu/63% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.55	GIẢM	TĂNG		18.66			16.85	17.01	4.15%	
ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		23.43				24.18		
ACV	84.50	GIẢM	TĂNG		85.28			90.00	81.77	-6.11%	
ANV	25.80	GIẢM	GIẢM		27.08				30.40		
ASM	6.38	GIẢM	GIẢM		6.42				7.60		
BFC	15.55	GIẢM	GIẢM		17.03				19.43		
BID	35.80	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	9.65%		33.40	31.60	7.19%	
BMP	48.00	GIẢM	TĂNG		50.67			48.30	44.48	-0.62%	
BSR	10.20	GIẢM	GIẢM		11.51				12.90		
BVH	78.60	GIẢM	TĂNG		86.40			85.40	76.69	-7.96%	
BWE	25.45	GIẢM	GIẢM		27.20			20.00	25.45	27.27%	
CEO	10.20	GIẢM	GIẢM		10.77				11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.37				23.79		
CMG	37.30	GIẢM	TĂNG		39.99			23.20	34.35	60.78%	
CMX	31.35	TĂNG	TĂNG	23.75	25.76	32.00%		5.91	21.62	430.46%	
CSM	14.60	GIẢM	TĂNG		15.06			14.39	14.22	1.46%	
CTD	115.00	TĂNG	TĂNG	102.00	107.20	12.75%		112.70	97.13	2.04%	
CTG	20.35	GIẢM	GIẢM		21.23				22.80		
CTI	23.15	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	57.70	TĂNG	N/A	28.80	43.77	100.35%		-	N/A		
CVT	19.30	GIẢM	TĂNG		20.36			20.35	18.32	-5.16%	
DCM	8.10	GIẢM	GIẢM	8.50	8.37	-1.51%	BÁN		8.53		
DGC	31.40	TĂNG	TĂNG	31.30	30.78	0.32%		31.90	27.35	-1.57%	
DGW	22.35	GIẢM	TĂNG		23.34			23.50	21.23	-4.89%	
DHA	36.50	TĂNG	TĂNG	32.25	34.92	13.18%		29.10	32.95	25.43%	
DHC	35.40	TĂNG	TĂNG	36.00	34.32	-1.67%		35.20	33.00	0.57%	
DHG	97.00	GIẢM	GIẢM		99.95				113.13		
DIG	12.90	GIẢM	GIẢM		13.78				14.54		
DPG	47.00	TĂNG	TĂNG	39.40	42.55	19.29%		40.02	34.78	17.45%	
DPM	13.65	GIẢM	GIẢM		14.71				16.72		
DPR	46.00	TĂNG	TĂNG	45.50	43.30	1.10%		42.50	40.21	8.24%	
DQC	18.15	GIẢM	GIẢM		19.18				20.27		
DRC	19.55	GIẢM	GIẢM		19.94				20.88		
DXG	16.95	GIẢM	GIẢM		18.51				20.75		
EIB	17.80	GIẢM	TĂNG		18.55			14.70	16.88	21.09%	



We Create Fortune

FCN	13.05	GIẢM	GIẢM		13.92			16.05	13.18	-17.87%	
FMC	30.20	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	4.32%			30.62		
FPT	49.00	TĂNG	TĂNG	45.20	47.55	8.41%		46.00	45.47	6.52%	
GAS	104.00	GIẢM	GIẢM		110.75				113.06		
GEX	23.10	TĂNG	GIẢM	22.20	21.92	4.05%			23.15		
GIL	24.90	GIẢM	GIẢM		25.73				29.00		
GMD	26.00	GIẢM	GIẢM		26.51				27.99		
GTN	19.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.00	1.06%		15.00	16.37	26.67%	
GVR	16.00	TĂNG	N/A	13.50	13.92	18.52%			N/A		
HAG	5.05	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HAX	19.00	GIẢM	TĂNG		19.37			15.75	17.24	20.63%	
HBC	14.25	TĂNG	GIẢM	14.25	14.17	0.00%	MUA		16.53		
HCM	20.45	GIẢM	GIẢM		22.09				25.61		
HDB	25.60	GIẢM	GIẢM	27.60	25.94	-6.00%	BÁN		28.56		
HDC	16.90	TĂNG	TĂNG	15.25	15.48	10.82%		15.25	13.82	10.82%	
HDG	36.95	TĂNG	TĂNG	32.70	35.12	13.00%		35.30	31.88	4.67%	
HNG	17.70	GIẢM	TĂNG		18.48			17.10	16.59	3.51%	
HPG	22.15	GIẢM	GIẢM		23.10				23.96		
HSG	7.05	GIẢM	TĂNG		7.53			9.30	7.01	-24.19%	
HT1	15.50	GIẢM	TĂNG		16.19			14.80	15.47	4.73%	
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.56				3.07		
HVN	40.05	GIẢM	TĂNG		41.75			39.00	38.75	2.69%	
KBC	15.00	GIẢM	TĂNG		15.32			15.35	14.17	-2.28%	
KDH	22.75	TĂNG	GIẢM	22.90	21.96	-0.66%			23.94		
KSB	23.90	TĂNG	GIẢM	22.95	20.81	4.14%			24.84		
LCG	9.90	GIẢM	GIẢM		10.39				11.44		
LDG	8.09	TĂNG	GIẢM	8.18	7.58	-1.10%			9.54		
LHG	18.70	TĂNG	TĂNG	18.70	18.44	0.00%	MUA	19.30	17.32	-3.11%	
LPB	7.90	GIẢM	GIẢM	8.40	7.97	-5.16%	BÁN		8.51		
LSS	5.12	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-5.01%			5.84		
MBB	21.80	GIẢM	TĂNG		22.65			21.85	20.88	-0.23%	
MPC	37.20	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	4.20%			40.20		
MSN	76.80	GIẢM	GIẢM	80.70	77.22	-4.31%	BÁN		86.73		
MSR	16.80	GIẢM	GIẢM		17.55				20.63		
MWG	109.50	GIẢM	TĂNG		109.96			88.70	99.40	23.45%	
NDN	17.70	TĂNG	TĂNG	14.10	16.61	25.53%		13.70	14.96	29.20%	
NKG	6.10	GIẢM	GIẢM		6.31				7.00		
NLG	30.70	TĂNG	TĂNG	29.90	29.85	2.68%		28.70	27.83	6.97%	
NT2	24.95	GIẢM	GIẢM		25.76				27.88		

We Create Fortune

NTL	25.80	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	12.42%		10.45	22.13	146.89%	
NVL	59.50	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	10.90	GIẢM	GIẢM		11.54				12.65		
PAC	30.60	GIẢM	GIẢM		32.50				36.90		
PC1	16.80	GIẢM	GIẢM		17.45				19.79		
PDR	26.75	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	11.00%		29.00	24.63	-7.76%	
PHR	75.60	TĂNG	TĂNG	61.20	68.92	23.53%		24.00	59.28	215.00%	
PLX	63.10	GIẢM	TĂNG	64.20	64.21	0.02%	BÁN	62.40	59.59	1.12%	
PNJ	80.70	TĂNG	TĂNG	77.00	75.46	4.81%		104.00	72.08	-22.40%	
POW	13.90	GIẢM	GIẢM		14.53			15.70	13.92	-11.37%	
PVT	18.05	TĂNG	TĂNG	17.45	17.31	3.44%		18.30	17.62	-1.37%	MUA
PPC	25.30	GIẢM	GIẢM		26.80				31.62		
PTB	67.60	GIẢM	TĂNG		68.09			64.00	64.57	5.62%	
PVB	21.30	TĂNG	TĂNG	20.20	20.11	5.45%		20.10	17.72	5.97%	
PVD	16.10	GIẢM	GIẢM		16.91			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	36.50	GIẢM	GIẢM		37.35				39.70		
PVS	21.30	GIẢM	GIẢM		22.27			21.10	21.47	1.74%	
PXS	6.01	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.44%		4.85	4.61	23.92%	
QNS	30.40	GIẢM	TĂNG	33.80	30.55	-9.61%	BÁN	33.80	28.02	-10.06%	
REE	32.50	GIẢM	TĂNG		33.82			33.33	31.19	-2.48%	
SAB	280.20	GIẢM	TĂNG		289.12			245.00	259.03	14.37%	
SAM	8.09	GIẢM	TĂNG		8.28			7.40	7.69	9.32%	
SCR	6.80	GIẢM	GIẢM		7.11				7.54		
SHI	8.79	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.77%		6.99	7.47	25.75%	
SJS	17.00	GIẢM	GIẢM		17.86			-	19.93		
SKG	11.35	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
SSI	22.30	GIẢM	GIẢM		23.92				26.85		
STB	10.45	GIẢM	GIẢM		11.03				12.32		
TCB	20.40	GIẢM	GIẢM	21.40	20.43	-4.55%	BÁN		22.88		
TCM	26.45	TĂNG	GIẢM	26.30	24.43	0.57%			29.84		
TDH	9.10	GIẢM	GIẢM		9.51			11.65	9.17	-21.29%	
TLH	4.70	TĂNG	GIẢM	4.75	4.28	-1.05%		5.85	4.80	-18.00%	BÁN
TNG	19.40	GIẢM	TĂNG		20.14			12.00	18.79	61.67%	
VCB	77.40	GIẢM	TĂNG	69.20	77.90	12.58%	BÁN	62.00	71.23	24.84%	
VCG	26.70	TĂNG	TĂNG	27.00	25.37	-1.11%		19.20	24.08	39.06%	
VCS	85.50	TĂNG	TĂNG	81.10	76.79	5.43%		68.00	67.87	25.74%	
VGC	18.85	GIẢM	GIẢM		19.90				20.64		
VGT	9.30	GIẢM	GIẢM		9.88				11.26		
VHC	87.00	GIẢM	GIẢM		90.59				95.80		

We Create Fortune

VHM	85.20	GIẢM	GIẢM		90.75			90.20	87.75	-2.71%	MUA
VIB	19.20	TĂNG	TĂNG	17.00	18.24	12.94%		17.70	16.94	8.47%	
VIC	118.00	GIẢM	TĂNG	119.80	119.27	-0.44%	BÁN	112.00	110.67	5.36%	
VIP	4.90	GIẢM	GIẢM		5.18				5.95		
VJC	130.70	TĂNG	TĂNG	123.30	130.56	6.00%		124.50	124.10	4.98%	
VND	14.75	GIẢM	GIẢM		15.19				16.46		
VNG	19.30	GIẢM	GIẢM		19.91				21.56		
VNM	122.00	GIẢM	GIẢM		126.20				133.60		
VPB	18.95	GIẢM	GIẢM		19.05				19.82		
VPI	42.10	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	-0.24%			42.86		
VRC	15.40	TĂNG	GIẢM	15.30	14.24	0.65%			16.46		
VRE	35.00	GIẢM	TĂNG		37.85			35.00	33.61	0.00%	
VSC	27.70	GIẢM	GIẢM		28.95				33.85		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		23.43				24.18		
BID	35.80	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	9.65%		33.40	31.60	7.19%	
BSR	10.20	GIẢM	GIẢM		11.51				12.90		
BVH	78.60	GIẢM	TĂNG		86.40			85.40	76.69	-7.96%	
CTG	20.35	GIẢM	GIẢM		21.23				22.80		
EIB	17.80	GIẢM	TĂNG		18.55			14.70	16.88	21.09%	
FPT	49.00	TĂNG	TĂNG	45.20	47.55	8.41%		41.00	45.47	19.52%	
GAS	104.00	GIẢM	GIẢM		110.75				113.06		
HDB	25.60	GIẢM	GIẢM	27.60	25.94	-6.00%	BÁN		28.56		
HNG	17.70	GIẢM	TĂNG		18.48			17.10	16.59	3.51%	
HPG	22.15	GIẢM	GIẢM		23.10				23.96		
HVN	40.05	GIẢM	TĂNG		41.75			39.00	38.75	2.69%	
KDH	22.75	TĂNG	GIẢM	22.90	21.96	-0.66%			23.94		
MBB	21.80	GIẢM	TĂNG		22.65			21.27	20.88	2.49%	
MSN	76.80	GIẢM	GIẢM	80.70	77.22	-4.31%	BÁN		86.73		
MWG	109.50	GIẢM	TĂNG		109.96			88.70	99.40	23.45%	
NVL	59.50	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	10.90	GIẢM	GIẢM		11.54				12.65		
PLX	63.10	GIẢM	TĂNG	64.20	64.21	0.02%	BÁN	59.97	59.59	5.22%	
PNJ	80.70	TĂNG	TĂNG	77.00	75.46	4.81%		77.88	72.08	3.62%	

We Create Fortune

POW	13.90	GIẢM	GIẢM		14.53			15.70	13.92	-11.37%	
PVS	21.30	GIẢM	GIẢM		22.27			21.10	21.47	1.74%	
QNS	30.40	GIẢM	TĂNG	33.80	30.55	-9.61%	BÁN	33.80	28.02	-10.06%	
REE	32.50	GIẢM	TĂNG		33.82			33.33	31.19	-2.48%	
ROS	28.10	GIẢM	TĂNG		28.30			34.80	27.33	-19.25%	
SSI	22.30	GIẢM	GIẢM		23.92				26.85		
STB	10.45	GIẢM	GIẢM		11.03				12.32		
TCB	20.40	GIẢM	GIẢM	21.40	20.43	-4.55%	BÁN		22.88		
TPB	22.50	GIẢM	GIẢM		22.88				N/A		
VCB	77.40	GIẢM	TĂNG	69.20	77.90	12.58%	BÁN	62.00	71.23	24.84%	
VCG	26.70	TĂNG	TĂNG	27.00	25.37	-1.11%		18.44	24.08	44.79%	
VEA	58.60	GIẢM	GIẢM		62.60				N/A		
VGI	36.50	TĂNG	GIẢM	29.50	29.00	23.73%			N/A		
VHM	85.20	GIẢM	GIẢM		90.75			90.20	87.75	-2.71%	MUA
VIB	19.20	TĂNG	TĂNG	17.00	18.24	12.94%		17.70	16.94	8.47%	
VIC	118.00	GIẢM	TĂNG	119.80	119.27	-0.44%	BÁN	112.00	110.67	5.36%	
VJC	130.70	TĂNG	TĂNG	123.30	130.56	6.00%		124.50	124.10	4.98%	
VNM	122.00	GIẢM	GIẢM		126.20				133.60		
VPB	18.95	GIẢM	GIẢM		19.05				19.82		
VRE	35.00	GIẢM	TĂNG		37.85			34.00	33.61	2.95%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.55	GIẢM	TĂNG		18.66			16.85	17.01	4.15%	
ANV	25.80	GIẢM	GIẢM		27.08				30.40		
ASM	6.38	GIẢM	GIẢM		6.42				7.60		
BMP	48.00	GIẢM	TĂNG		50.67			48.30	44.48	-0.62%	
BWE	25.45	GIẢM	GIẢM		27.20			19.44	25.45	30.94%	
C4G	8.30	TĂNG	GIẢM	8.70	8.18	-4.60%		-	10.05		
CEO	10.20	GIẢM	GIẢM		10.77				11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.37				23.79		
CRE	25.15	TĂNG	GIẢM	25.55	24.88	-1.57%		-	26.06		
CTI	23.15	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	57.70	TĂNG	#N/A	28.80	43.77	100.35%		-	#N/A		
DCM	8.10	GIẢM	GIẢM		8.37				8.53		
DHC	35.40	TĂNG	TĂNG	36.00	34.32	-1.67%		35.20	33.00	0.57%	

We Create Fortune

DIG	12.90	GIẢM	GIẢM		13.78				14.54		
DPM	13.65	GIẢM	GIẢM		14.71				16.72		
DRC	19.55	GIẢM	GIẢM		19.94				20.88		
DXG	16.95	GIẢM	GIẢM		18.51				20.75		
E1VFN30	14.50	TĂNG	GIẢM	14.59	14.49	-0.62%			15.16		
FCN	13.05	GIẢM	GIẢM		13.92			16.05	13.18	-17.87%	
FLC	3.91	GIẢM	GIẢM		4.14				4.57		
FTM	24.00	GIẢM	TĂNG		24.60			16.25	22.18	47.69%	
GEG	26.40	TĂNG	TĂNG	22.80	24.69	15.79%		12.90	21.68	104.65%	
GEX	23.10	TĂNG	GIẢM	22.20	21.92	4.05%			23.15		
GMD	26.00	GIẢM	GIẢM		26.51				27.99		
GTN	19.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.00	1.06%		15.00	16.37	26.67%	
GVR	16.00	TĂNG	#N/A	13.50	13.92	18.52%		-	#N/A		
HAG	5.05	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HBC	14.25	TĂNG	GIẢM	14.25	14.17	0.00%	MUA		16.53		
HCM	20.45	GIẢM	GIẢM		22.09				25.61		
HDG	36.95	TĂNG	TĂNG	32.70	35.12	13.00%		35.30	31.88	4.67%	
HPX	26.60	TĂNG	#N/A	26.60	25.96	0.00%		-	#N/A		
HSG	7.05	GIẢM	TĂNG		7.53			8.45	7.01	-16.59%	
HT1	15.50	GIẢM	TĂNG		16.19			14.80	15.47	4.73%	
IBC	21.20	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.44%		24.90	20.15	-14.86%	
IDI	6.49	GIẢM	GIẢM		6.64				8.16		
IJC	13.30	TĂNG	TĂNG	11.35	11.73	17.18%		13.10	11.50	1.53%	MUA
ITA	3.17	TĂNG	TĂNG	3.17	3.15	0.00%	MUA	3.20	2.83	-0.94%	
KBC	15.00	GIẢM	TĂNG		15.32			15.35	14.17	-2.28%	
KSB	23.90	TĂNG	GIẢM	22.95	20.81	4.14%			24.84		
LDG	8.09	TĂNG	GIẢM	8.18	7.58	-1.10%			9.54		
LPB	7.90	GIẢM	GIẢM	8.40	7.97	-5.16%	BÁN		8.51		
MBS	15.70	TĂNG	TĂNG	16.10	15.37	-2.48%		16.00	13.39	-1.88%	
MPC	37.20	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	4.20%			40.20		
NBB	21.20	GIẢM	TĂNG		22.63			21.50	19.30	-1.40%	
NKG	6.10	GIẢM	GIẢM		6.31				7.00		
NLG	30.70	TĂNG	TĂNG	29.90	29.85	2.68%		28.70	27.83	6.97%	
NT2	24.95	GIẢM	GIẢM		25.76				27.88		
NTC	197.00	TĂNG	TĂNG	144.00	179.04	36.81%		120.00	154.70	64.17%	
NTL	25.80	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	12.42%		9.33	22.13	176.49%	
NVB	7.80	GIẢM	GIẢM		8.02				9.00		
OGC	3.87	GIẢM	GIẢM		4.06				4.66		

We Create Fortune

PC1	16.80	GIẢM	GIẢM		17.45			19.79			
PDR	26.75	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	11.00%		23.60	24.63	13.37%	
PHR	75.60	TĂNG	TĂNG	61.20	68.92	23.53%		22.86	59.28	230.65%	
PPC	25.30	GIẢM	GIẢM		26.80			31.62			
PTB	67.60	GIẢM	TĂNG		68.09			60.78	64.57	11.22%	
PVD	16.10	GIẢM	GIẢM		16.91			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	36.50	GIẢM	GIẢM		37.35			39.70			
PVT	18.05	TĂNG	TĂNG	17.45	17.31	3.44%		18.30	17.62	-1.37%	MUA
QCG	4.54	TĂNG	GIẢM	4.62	4.35	-1.73%		5.32			
SAM	8.09	GIẢM	TĂNG		8.28			7.40	7.69	9.32%	
SBT	16.70	TĂNG	GIẢM	16.75	16.09	-0.30%		17.67			
SCR	6.80	GIẢM	GIẢM		7.11			7.54			
SHB	6.50	GIẢM	GIẢM		6.90			7.42			
SHS	8.50	GIẢM	GIẢM		9.17			10.55	9.22	-12.64%	BÁN
SJS	17.00	GIẢM	GIẢM		17.86			19.93			
STK	22.40	GIẢM	TĂNG		23.24			17.00	21.12	31.76%	
SZC	25.95	TĂNG	#N/A	20.45	22.91	26.89%		-	#N/A		
TCH	22.50	TĂNG	TĂNG	22.05	21.41	2.04%		22.45			
TCM	26.45	TĂNG	GIẢM	26.30	24.43	0.57%		29.84			
TNG	19.40	GIẢM	TĂNG		20.14			12.00	18.79	61.67%	
TTB	24.40	TĂNG	TĂNG	22.60	24.09	7.96%		24.50	24.16	-0.41%	MUA
VCI	33.20	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	2.79%		35.72			
VGT	9.30	GIẢM	GIẢM		9.88			11.26			
VHC	87.00	GIẢM	GIẢM		90.59			95.80			
VND	14.75	GIẢM	GIẢM		15.19			16.46			
VNG	19.30	GIẢM	GIẢM		19.91			21.56			
VPI	42.10	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	-0.24%		42.86			

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.90	TĂNG	#N/A	9.40	9.83	15.96%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.19	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.71	5.01%	
AMD	1.66	GIẢM	GIẢM		1.78			2.08			
APG	9.00	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	5.88%		9.90	7.90	-9.09%	
ART	2.20	GIẢM	GIẢM		2.48			2.95			
BCC	7.90	GIẢM	TĂNG		8.51			7.70	7.70	2.60%	

We Create Fortune

BCG	6.12	TĂNG	TĂNG	5.82	5.65	5.15%		6.39	5.41	-4.23%	
C69	20.10	TĂNG	TĂNG	8.80	18.53	128.41%		5.30	15.89	279.25%	
CCL	7.50	TĂNG	TĂNG	6.38	6.44	17.55%		3.46	5.40	116.76%	
CRC	16.40	TĂNG	GIẢM	15.05	15.86	8.97%			17.35		
CVT	19.30	GIẢM	TĂNG		20.36			20.35	18.32	-5.16%	
DAG	6.80	TĂNG	TĂNG	6.55	6.71	3.82%		7.09	5.92	-4.09%	MUA
DAH	12.95	GIẢM	TĂNG		13.98			4.66	11.21	177.65%	
DGW	22.35	GIẢM	TĂNG		23.34			23.50	21.23	-4.89%	
DLG	1.48	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	7.20	TĂNG	GIẢM	7.20	6.52	0.00%	MUA		7.76		
DTD	15.90	TĂNG	TĂNG	15.90	14.62	0.00%	MUA	12.90	12.45	23.26%	
EVG	2.76	GIẢM	GIẢM	2.87	2.99	4.27%	BÁN		3.02		
FIT	3.40	GIẢM	TĂNG		3.54			3.64	3.03	-6.59%	
GKM	14.60	GIẢM	GIẢM		15.27			11.42	14.95	30.87%	
HAH	13.60	TĂNG	TĂNG	12.80	12.96	6.25%		13.00	11.93	4.62%	
HAI	1.73	GIẢM	GIẢM		1.87				1.93		
HAP	3.42	GIẢM	TĂNG		3.59			3.67	3.25	-6.81%	
HAR	3.25	GIẢM	GIẢM		3.51			3.71	4.36	17.51%	BÁN
HCD	3.70	GIẢM	GIẢM		3.94				4.34		
HDA	12.40	TĂNG	TĂNG	10.50	12.02	18.10%		11.30	10.57	9.73%	
HDC	16.90	TĂNG	TĂNG	15.25	15.48	10.82%		15.25	13.82	10.82%	
HHP	12.70	GIẢM	GIẢM		14.15				15.86		
HHS	3.01	GIẢM	GIẢM		3.28				3.67		
HII	11.30	TĂNG	GIẢM	11.80	11.19	-4.24%			12.54		
HQC	1.38	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-3.50%			1.50		
HSL	8.10	TĂNG	GIẢM	8.10	7.84	0.00%	MUA		9.33		
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.56				3.07		
HVG	2.68	GIẢM	GIẢM		3.07				4.46		
HVH	26.10	GIẢM	#N/A		26.68				#N/A		
JVC	2.66	GIẢM	GIẢM		2.87				3.22		
KLF	1.30	GIẢM	GIẢM		1.53				1.73		
KMR	2.80	GIẢM	TĂNG		2.92			3.68	2.65	-23.91%	
LCG	9.90	GIẢM	GIẢM		10.39				11.44		
LGL	9.98	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	40.30%	
LHG	18.70	TĂNG	TĂNG	18.70	18.44	0.00%	MUA	19.30	17.32	-3.11%	
LMH	16.65	GIẢM	#N/A		17.50			-	#N/A		
MST	2.50	GIẢM	GIẢM		2.69				3.44		
NDN	17.70	TĂNG	TĂNG	14.10	16.61	25.53%		13.10	14.96	35.07%	
PHC	12.55	GIẢM	GIẢM		12.92				13.87		



We Create Fortune

PVB	21.30	TĂNG	TĂNG	20.20	20.11	5.45%		20.10	17.72	5.97%	
PVC	7.60	GIẢM	TĂNG		7.95			7.10	6.67	7.04%	
PXL	5.20	GIẢM	GIẢM		5.72				7.13		
PXS	6.01	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	5.44%		4.85	4.61	23.92%	
QBS	2.94	GIẢM	GIẢM		3.08				3.36		
SFG	8.76	GIẢM	GIẢM		10.08				13.19		
SHI	8.79	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.77%		6.23	7.47	41.03%	
SJF	2.96	GIẢM	GIẢM		3.36				3.88		
SKG	11.35	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
TDH	9.10	GIẢM	GIẢM		9.51			11.65	9.17	-21.29%	
TIG	3.10	GIẢM	TĂNG		3.49			3.20	3.03	-3.13%	
TLD	5.20	GIẢM	GIẢM		5.51				6.07		
TLH	4.70	TĂNG	GIẢM	4.70	4.28	0.00%	MUA	5.85	4.80	-18.00%	
TNI	10.85	TĂNG	GIẢM	11.10	10.66	-2.25%			11.98		
TTF	2.99	GIẢM	GIẢM		3.21			3.99	3.03	-24.11%	
TTH	3.60	GIẢM	GIẢM		3.96				4.48		
TVB	20.50	TĂNG	TĂNG	17.40	19.50	17.82%		20.10	16.46	1.99%	MUA
TVC	14.60	TĂNG	TĂNG	12.50	13.89	16.80%		14.30	12.38	2.10%	MUA
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.16			22.00	21.35	3.18%	
VCR	15.70	GIẢM	GIẢM	19.60	15.70	-19.90%	BÁN		26.40		
VNE	3.00	GIẢM	GIẢM		3.60				4.39		
VPG	20.60	GIẢM	TĂNG		21.21			20.46	19.34	0.71%	
VRC	15.40	TĂNG	GIẢM	15.40	14.24	0.00%	MUA		16.46		
YBM	10.20	GIẢM	GIẢM		11.40				12.01		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	973.15	-1.81%
VN30	872.39	-1.46%
VN Mid	957.94	-0.22%
VN Small	817.21	0.10%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.91	-0.76%
HN30	190.78	-0.73%
VNX AllSh	849.95	-1.55%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	58.37	-0.36%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	424.79	
Bán	714.96	
GT rỗng	-290.17	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	24.24	
Bán	39.59	
GT rỗng	-15.35	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	67.24	
Bán	47.76	
GT rỗng	19.47	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TRC	2450	6.26%
ASM	350	5.80%
HAG	230	4.77%
SMB	1900	4.70%
SZC	1050	4.22%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	2900	4.92%
BAX	2200	2.98%
PMC	800	1.32%
NDN	200	1.14%
VCS	500	0.59%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SNZ	3900	14.94%
CTR	7500	14.94%
NHH	5700	14.32%
VGI	4300	13.35%
HTM	1400	12.28%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-4200	-6.94%
VHM	-5000	-5.54%
BVH	-4400	-5.30%
NAF	-800	-3.96%
DXG	-650	-3.69%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	-1400	-8.19%
PVS	-600	-2.74%
TNG	-300	-1.52%
SHB	-100	-1.52%
ACB	-300	-1.35%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSR	-700	-6.42%
SDI	-2400	-3.81%
QNS	-900	-2.88%
VGT	-200	-2.11%
LPB	-100	-1.25%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	409,877	
VHM	302,126	
VCB	293,372	
VNM	215,931	
GAS	202,879	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	36,155	
VCS	13,328	
VCG	11,926	
PVS	10,467	
PVI	8,412	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	180,099	
VGI	97,932	
VEA	78,721	
GVR	61,108	
MCH	56,682	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	19,300,610	14,423,584
SCR	9,587,970	3,038,765
VPB	8,854,850	3,335,814
HPG	6,928,970	6,977,173
VHM	6,072,620	1,488,876

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	5,002,097	4,591,230
PVS	4,653,370	3,197,674
NVB	3,503,900	1,394,277
ACB	2,538,864	1,774,277
CEO	936,695	1,608,875

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	2,993,706	1,396,548
GVR	2,560,047	1,781,929
VGI	1,758,455	1,001,985
VIB	961,081	685,144
LPB	715,579	581,816

Nguồn: Bloomberg & YSVN

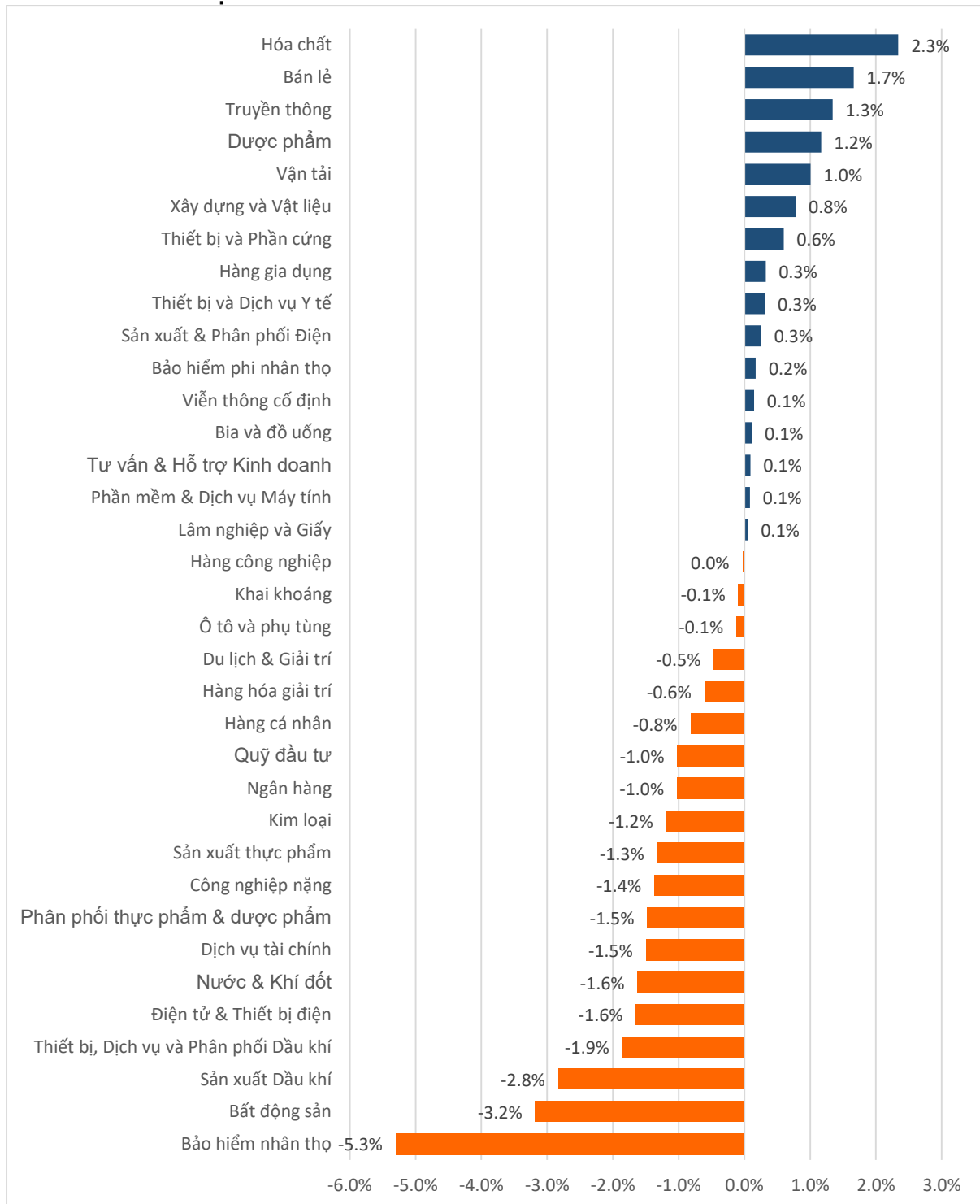
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



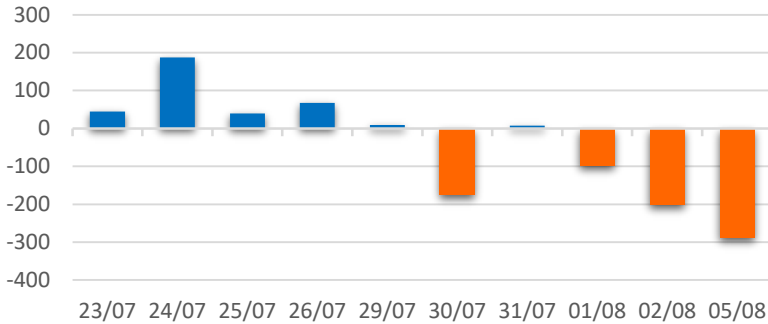
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

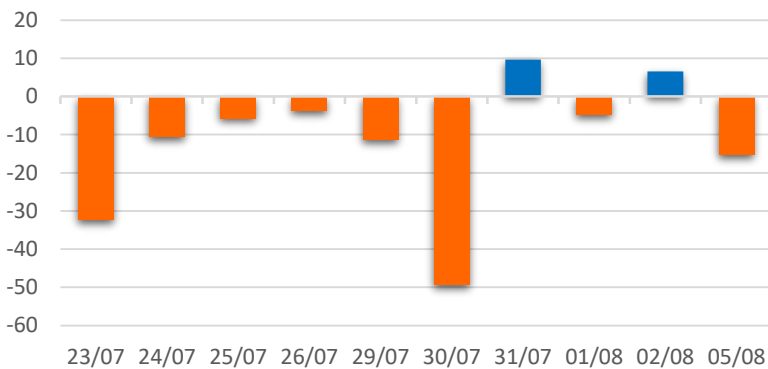
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CTD	28,579	VJC	62,761
HBC	18,056	E1VFN30	62,173
BID	15,061	HPG	56,994
PLX	7,040	VRE	44,299
PTB	6,740	VHM	42,895

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

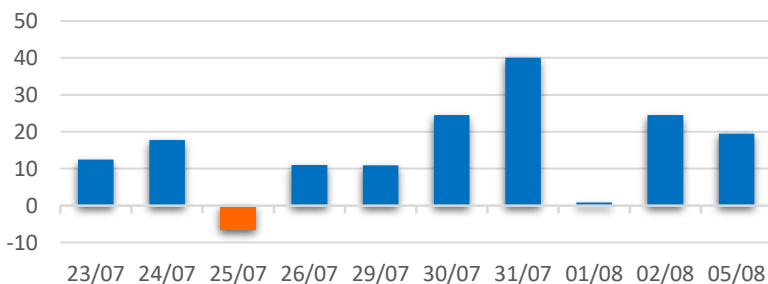
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
DGC	4,539	ACB	28,157
PVI	3,589	CAP	120
PVS	1,786	PTI	46
SHB	1,435	CPC	45
VCS	801	GLT	34

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	10,992	VTP	2,985
QNS	7,820	CTR	1,864
ACV	5,451	SAS	1,837
LPB	1,970	BSR	1,250
VGG	1,381	BCM	1,093

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



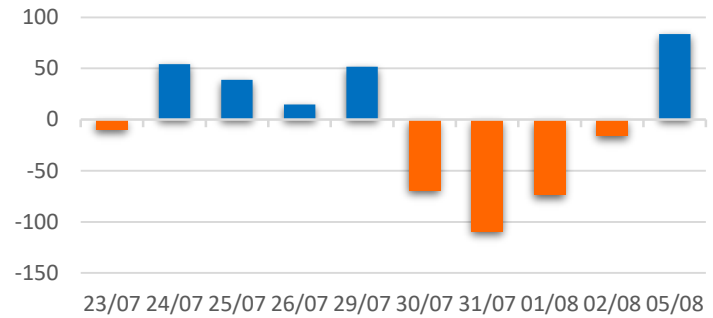
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

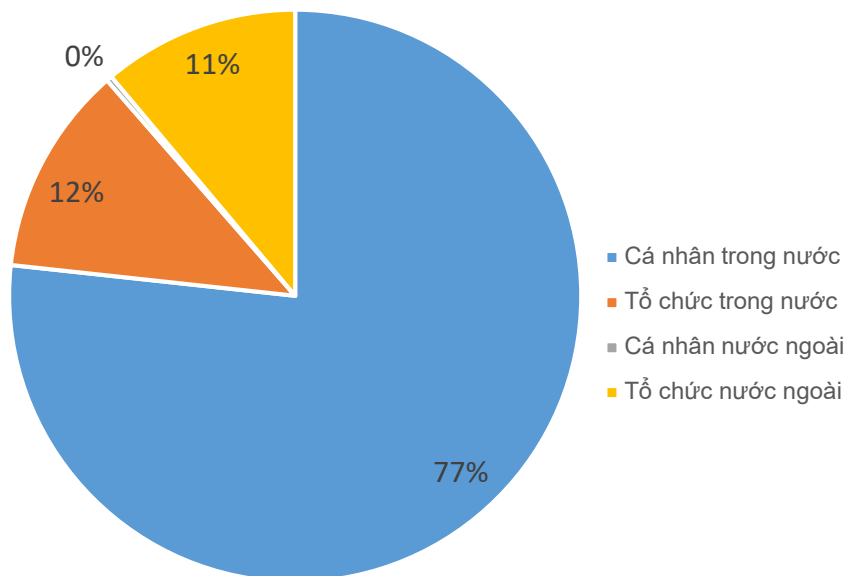
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	63,813	MWG	17,667
MBB	51,027	FPT	13,328
PLX	14,031	VNM	12,106
VPB	9,165	NVL	9,634
HPG	7,790	HPG	2,431

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

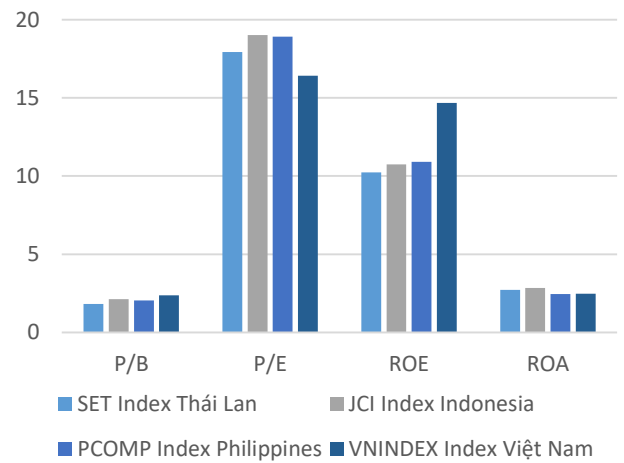
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.1x	2.0x	2.4x
P/E		17.9x	19.0x	18.9x	16.4x
ROE	%	10.24	10.74	10.91	14.67
ROA	%	2.72	2.84	2.45	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	562.46	511.77	196.91	143.77
GTGD	Triệu USD	2.32	0.47	0.08	0.14
LS cổ tức	%	3.10	2.51	1.67	1.75

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written